

Số: 71/2021/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 07 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHOÁ XIX - KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân
bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân
bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách địa phương, giai đoạn 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đối với các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách (từ năm 2023 - 2025) định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được điều chỉnh tăng, giảm theo chế độ quy định và khả năng ngân sách địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm.

2. Đối tượng áp dụng: Các ban, sở, ngành, đoàn thể và các đơn vị dự toán cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương ban hành theo Nghị quyết này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng ban, sở, ngành, đoàn thể và đơn vị dự toán cấp tỉnh; dự toán chi ngân sách của từng huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của các đơn vị dự toán bao gồm: Chi tiền lương, các khoản có tính chất lương; chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương; chi các nhiệm vụ đặc thù theo từng ngành, lĩnh vực, trong đó:

a) Tiền lương và các khoản có tính chất lương được xác định theo số biên chế có mặt thuộc chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm xây dựng dự toán (kể cả hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ). Đối với các lĩnh vực chi (trừ giáo dục) nếu biên chế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán thấp hơn so với biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm kế hoạch, thì tiền lương của số biên chế thiếu được xác định bằng mức lương bậc 1 của ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp tương ứng.

b) Chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương, bao gồm:

- Chi bảo đảm hoạt động thường xuyên, đã bao gồm chi nâng bậc lương, nâng ngạch, chuyển ngạch đối với cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là chi khác), được giao khoán cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách và cơ bản được giữ ổn định trong cả giai đoạn 2022-2025. Riêng đối với các cơ quan, đơn vị đã được giao khoán chi khác năm 2021, khi áp dụng định mức phân bổ này nếu chi khác năm 2022 thấp hơn số kinh phí chi thường xuyên đã được giao khoán năm 2021, thì được giữ nguyên mức kinh phí giao khoán như năm 2021.

- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc đối với các cơ quan đơn vị chưa được phân bổ trong định mức chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương, được giao khoán bằng 10% trên tổng chi khác được phân bổ (chưa bao gồm kinh phí mua xe ô tô, sửa chữa lớn trụ sở làm việc, kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được bố trí theo chế độ quy định và khả năng ngân sách).

- Chi sửa chữa thường xuyên xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cấp có thẩm quyền, được giao khoán hằng năm với mức: 20 triệu đồng/01 xe đối với xe có thời gian sử dụng dưới 10 năm; 40 triệu đồng/01 xe đối với xe đã có thời gian sử dụng từ 10 năm trở lên. Riêng đối với xe ô tô phục vụ công tác các chức danh được phân bổ kinh phí sửa chữa theo thực tế phát sinh, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

- Quá trình thực hiện các cơ quan, đơn vị dự toán được điều hòa giữa các nội dung chi khác ngoài lương được giao khoán cho phù hợp với thực tế, bảo đảm chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

c) Chi các nhiệm vụ đặc thù theo từng ngành, lĩnh vực được phân bổ theo chế độ quy định, khả năng ngân sách địa phương và cơ bản được thực hiện dưới hình thức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. Mức kinh phí cụ thể phân bổ cho từng nhiệm vụ, địa phương, đơn vị do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.

3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, mức kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động thường xuyên được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa dự toán chi theo định mức này với số thu từ hoạt động dịch vụ sau khi trừ chi phí phục vụ công tác thu theo quy định của pháp luật để tăng cường tính tự chủ, giảm dần mức hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công theo quy định của cấp có thẩm quyền. Hằng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, căn cứ chế độ quy định và tiến độ thực hiện điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công, sẽ thực hiện giảm dần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công để bổ sung nguồn thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Đối với các lĩnh vực chi được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã chi tiết theo từng đối tượng (biên chế, học sinh, km đường giao thông, đơn vị hành chính cấp xã, đơn vị dự toán và đối tượng khác) các huyện, thị xã, thành phố không được phân bổ cho các đơn vị trực thuộc thấp hơn định mức này. Đối với các lĩnh vực chi được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã theo tổng mức, căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách hằng năm Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án phân bổ chi tiết cho từng đơn vị để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm công bằng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng đơn vị dự toán.

5. Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2022 của các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố được tính theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tại Nghị quyết này bảo đảm không thấp hơn dự toán chi năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao (trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và quy mô hoạt động).

6. Đối với các cơ quan, đơn vị dự toán thực hiện việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi tổ chức bộ máy, thì định mức giao khoán chi hoạt động thường xuyên sẽ được điều chỉnh tương ứng với quy mô, chức năng, nhiệm vụ sau khi được tổ chức lại; đối với các đơn vị thành lập mới, thì áp dụng định mức giao khoán chi hoạt động thường xuyên theo từng lĩnh vực tương ứng. Ủy ban nhân dân trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

1. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

a) Định mức phân bổ chi cho con người:

- Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo biên chế có mặt trong chi tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm cả kinh phí nâng bậc lương, nâng ngạch, chuyển ngạch. Trường hợp số biên chế có mặt tại thời điểm tính dự toán thấp hơn so với biên chế được cấp có thẩm quyền giao, kinh phí của số biên chế còn thiếu sẽ được bổ sung sau khi được tuyển dụng.

- Chi thực hiện chế độ học bổng và các chế độ chính sách đối với học sinh dân tộc nội trú, học sinh dân tộc bán trú, học sinh trường chuyên, học sinh khuyết tật và các đối tượng học sinh khác được tính theo chế độ quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương (đã bao gồm chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc), được phân bổ theo tiêu chí biên chế như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm

| TT | Nội dung | Định mức phân bổ |
|----|--|------------------|
| 1 | Cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải và xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) | |
| | Các trường chuyên biệt (Trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật và các trường chuyên biệt khác) | 10,4 |
| | Trường trung học phổ thông | 9,6 |
| | Trường tiểu học | 9,8 |
| | Trường mầm non, trường trung học cơ sở và cơ sở giáo dục khác | 8,0 |
| 2 | Cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn khác | |
| | Các trường chuyên biệt (Trường phổ thông dân tộc nội trú; trường chuyên; trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật và các trường chuyên biệt khác) | 9,1 |
| | Trường trung học phổ thông | 8,4 |
| | Trường tiểu học | 8,7 |
| | Trường mầm non, trường trung học cơ sở và cơ sở giáo dục khác | 7,0 |

Mức kinh phí phân bổ theo tiêu chí biên chế quy định trên là mức tối thiểu (chưa kể học phí), bảo đảm tổng mức kinh phí phân bổ không thấp hơn 100 triệu đồng/01 đơn vị/năm. Trường hợp đối với các cơ sở giáo dục đủ điều kiện được tính hưởng từ hai tiêu chí phân bổ trở lên thì chỉ được tính theo một tiêu chí phân bổ ở mức cao nhất. Đối với các cơ sở giáo dục có nhiều cấp học, thì kinh phí được phân bổ theo định mức phân bổ và biên chế tương ứng của từng cấp học. Hằng năm căn cứ mức dự toán chi sự nghiệp giáo dục được trung ương giao cho ngân sách địa phương để điều chỉnh lại định mức và mức phân bổ chi khác đối với từng cấp học, cơ sở giáo dục cho phù hợp.

c) Đối với cơ sở giáo dục có phòng học thông minh được phân bổ thêm kinh phí chi vận hành, sửa chữa thường xuyên phòng học thông minh. Mức kinh phí cụ thể được phân bổ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách hằng năm.

d) Đối với các cơ sở giáo dục có nhiệm vụ đặc thù (trường thực hành; trường có lớp dành cho học sinh tàn tật, khuyết tật; trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh bán trú và các cơ sở giáo dục có các nhiệm vụ đặc thù khác), ngoài kinh phí chi hoạt động thường xuyên phân bổ theo định mức nêu trên, được phân bổ thêm kinh phí để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ đặc thù theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

đ) Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù khác như: chi sách thiết bị trường học, chi hỗ trợ phổ cập giáo dục, hỗ trợ trường đạt chuẩn quốc gia và các nhiệm vụ giáo dục đặc thù khác được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

e) Chi chung cho hoạt động giảng dạy và học tập của toàn ngành giáo dục đào tạo bao gồm: chi thông tin tuyên truyền; chi công tác thi đua, chi khen thưởng theo quyết định của các tổ chức, người có thẩm quyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong ngành theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng; đào tạo bồi dưỡng giáo viên; công tác chỉ đạo, tổ chức các kỳ thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp; tổ chức, tham dự các kỳ thi giáo viên giỏi, học sinh giỏi; chi hội thảo chuyên đề; hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ năm học; chi tổ chức, tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao trong nhà trường theo quy định của cấp có thẩm quyền; chi công tác chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, giám sát và các nhiệm vụ chỉ giảng dạy và học tập khác được tính bằng 1,0% trên tổng chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục và đào tạo (phần sự nghiệp đào tạo do ngành giáo dục quản lý) của ngân sách địa phương. Số kinh phí này được phân bổ cho từng cấp như sau:

- Chi chung cho hoạt động giảng dạy và học tập của cấp huyện được phân bổ bằng 0,6% chi sự nghiệp giáo dục của mỗi cấp;

- Chi chung cho hoạt động giảng dạy và học tập của cấp tỉnh được xác định bằng số chênh lệch giữa mức chi chung của toàn ngành giáo dục và đào tạo với mức chi chung đã phân bổ cho ngân sách cấp huyện.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ sự nghiệp đào tạo; giáo dục nghề nghiệp

a) Định mức phân bổ chi cho con người: tính đủ chi lương và các khoản có tính chất tiền lương của số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và học bổng, chế độ chính sách của học sinh theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương (đã bao gồm chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc), được phân bổ theo tiêu chí biên chế như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm

| TT | Cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp | Định mức phân bổ |
|----|---|------------------|
| 1 | Trường cao đẳng; Trường chính trị tỉnh | 14 |
| 2 | Trường trung cấp; Trung tâm bồi dưỡng chính trị | 12 |
| 3 | Cơ sở đào tạo; cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác | 10 |

c) Đối với các cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp có hoạt động đặc thù như: đào tạo lý luận chính trị; đào tạo nghề trọng điểm; đào tạo các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù và các nhiệm vụ đào tạo đặc thù khác ngoài kinh phí phân bổ theo định mức nêu trên, được phân bổ thêm kinh phí để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ đào tạo đặc thù theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

d) Đối với chi đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức; chi đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các nhiệm vụ đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác được phân bổ kinh phí theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

a) Định mức phân bổ chi cho con người: bảo đảm đủ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương (đã bao gồm chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc), được phân bổ như sau:

| TT | Nội dung | Tiêu chí phân bổ | Định mức phân bổ |
|----|---|--------------------------------|------------------|
| 1 | Chữa bệnh | | |
| a | Tuyển tỉnh | | |
| | - Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ; Bệnh viện Sản nhi | | 17,7 |
| | - Bệnh viện Tâm thần; Bệnh viện Lao và bệnh phổi; Bệnh viện Nội tiết; Bệnh viện Y học cổ truyền | Triệu đồng/ biên ché/năm | 15,2 |
| b | Tuyển huyện | | |
| | - Huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải | | 17,2 |
| | - Huyện, thị xã, thành phố khác | | 15,2 |
| c | Phòng khám đa khoa khu vực | | |
| | - Huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải | | 12,7 |
| | - Huyện, thị xã, thành phố khác | | 12,2 |
| 2 | Phòng bệnh (đã bao gồm chi cho công tác phòng, chống dịch) | | |
| | - Tuyển tỉnh | Triệu đồng/biên ché/năm | 23,0 |
| | - Tuyển huyện | | |
| | + Huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải | | 21,6 |
| | + Huyện, thị xã, thành phố khác | | 20,4 |
| 3 | Dân số Kế hoạch hoá gia đình cấp huyện | | 12,6 |
| 4 | Trạm y tế xã, phường, thị trấn | | |
| | - Cấp xã loại 1 | Triệu đồng/ xã/năm | 18 |
| | - Cấp xã loại 2 | | 17 |
| | - Cấp xã loại 3 | | 16 |

Riêng Bệnh viện Đa khoa tỉnh ngoài định mức chi hoạt động thường xuyên trên, hàng năm được phân bổ thêm kinh phí và các chi phí khác theo chế độ quy định để bảo trì, sửa chữa hệ thống trang thiết bị chưa được kết cấu đủ trong giá dịch vụ khám chữa bệnh.

Chi hoạt động thường xuyên từ ngân sách nhà nước được phân bổ cho các cơ sở khám chữa bệnh trong giai đoạn 2022-2025 được điều chỉnh phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ khám chữa bệnh của cấp có thẩm quyền.

c) Các nhiệm vụ chi đặc thù như: Chi đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế; chi nâng cấp trang thiết bị y tế; chi công tác điều hành, kiểm tra, giám sát chuẩn quốc gia về y tế xã và chi thực hiện các nhiệm vụ y tế đặc thù khác được phân bổ theo chế độ quy định.

d) Chi chung cho hoạt động chăm sóc sức khỏe của toàn ngành y tế, bao gồm: chi thông tin tuyên truyền; chi hội thảo chuyên đề; chi nghiên cứu khoa học cấp ngành, cấp cơ sở; chi thi đua khen thưởng; chi đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ; chi hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết; chi công tác chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, giám sát và các nhiệm vụ chi chung khác được tính bằng 1,5% trên tổng chi thường xuyên sự nghiệp y tế của ngân sách địa phương (không kể chi đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế). Số kinh phí này được phân bổ cho từng cấp ngân sách như sau:

- Chi chung cho hoạt động y tế cấp huyện được phân bổ bằng 0,45% chi sự nghiệp y tế của mỗi huyện;

- Chi chung cho hoạt động y tế của cấp tỉnh được xác định bằng số chênh lệch giữa mức chi chung của toàn ngành y tế với mức chi chung đã phân bổ cho cấp huyện quy định như trên.

4. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá, thông tin

a) Định mức phân bổ chi cho con người: bảo đảm đủ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương (đã bao gồm chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc), được phân bổ theo tiêu chí biên chế như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng/biên chế/năm

| TT | Nội dung | Định mức phân bổ |
|----|----------------------|------------------|
| 1 | Các đơn vị cấp tỉnh | 13,5 |
| 2 | Các đơn vị cấp huyện | 12,6 |

c) Chi thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” ở thôn, bản, tổ dân phố (khu dân cư) theo quy định tại Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính được phân bổ như sau:

- Đối với cuộc vận động do Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố thực hiện là 5 triệu đồng/năm/thôn, bản, tổ dân phố. Riêng đối với các thôn, bản của các xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của cấp có thẩm quyền được bố trí 6 triệu đồng/năm/thôn, bản.

- Đối với cuộc vận động do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là 20 triệu đồng/năm/xã. Riêng đối với các xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi, theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 25 triệu đồng/năm/xã.

- Đối với cuộc vận động do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

d) Các nhiệm vụ đặc thù:

- Chi hỗ trợ hoạt động văn hoá cấp xã (bao gồm chi hoạt động Ban chỉ đạo "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" cấp xã) được phân bổ theo tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã như sau: đối với cấp xã loại 1 là 4 triệu đồng/xã; cấp xã loại 2 là 3,5 triệu đồng/xã; cấp xã loại 3 là 3 triệu đồng/xã.

- Chi hỗ trợ hoạt động văn hoá cấp huyện được phân bổ theo tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của từng huyện như sau: huyện có trên 20 đơn vị hành chính cấp xã định mức phân bổ là 2 triệu đồng/xã/năm; huyện có từ 10 đến 20 đơn vị hành chính cấp xã, định mức phân bổ là 2,4 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử được phân bổ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

- Đối với các hoạt động văn hoá, thông tin khác như: Chi hoạt động Ban chỉ đạo phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" các cấp; chi sự nghiệp phát triển gia đình; chi bổ sung sách báo thư viện; xây dựng chương trình biểu diễn nghệ thuật; hội diễn nghệ thuật quần chúng; sưu tầm, trưng bày, bảo quản các hiện vật mang tính lịch sử; chiếu phim lưu động; chi thực hiện chính sách ưu đãi, hưởng thụ văn hoá; chi đảm bảo hoạt động của đội tuyên truyền lưu động; chi công tác quản lý các di tích, danh lam thắng cảnh, bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh; chi tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và chi thực hiện các nhiệm vụ văn hoá, thông tin khác được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

5. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao

a) Định mức phân bổ chi cho con người: Bảo đảm đủ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương (đã bao gồm chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc), được phân bổ theo tiêu chí biên chế như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng/ biên chế/ năm

| TT | Nội dung | Định mức phân bổ |
|----|----------------------|------------------|
| 1 | Các đơn vị cấp tỉnh | 13,5 |
| 2 | Các đơn vị cấp huyện | 12,6 |

c) Đối với nhiệm vụ đặc thù:

- Chi hỗ trợ hoạt động thể thao cấp xã được phân bổ theo tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã như sau: đối với cấp xã loại 1 là 4 triệu đồng/xã; cấp xã loại 2 là 3,5 triệu đồng/xã; cấp xã loại 3 là 3 triệu đồng/xã;

- Chi hỗ trợ hoạt động thể thao cấp huyện được phân bổ theo tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của từng huyện như sau: huyện có trên 20 đơn vị hành chính cấp xã định mức phân bổ là 2 triệu đồng/xã/năm; huyện có từ 10 đến 20 đơn vị hành chính cấp xã, định mức phân bổ là 2,4 triệu đồng/xã/năm.

- Chi các hoạt động thể thao khác như: chi luyện tập, tham gia thi đấu các giải thể thao cấp tỉnh, cấp quốc gia; chi học bổng học sinh; chi thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao; chi hỗ trợ hoạt động của các Liên đoàn thể thao cấp tỉnh, hỗ trợ hoạt động đội bóng đá của tỉnh và các hoạt động thể thao khác được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

6. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

a) Định mức phân bổ chi cho con người: Bảo đảm đủ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương (đã bao gồm chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc), được phân bổ theo tiêu chí biên chế như sau:

| TT | Nội dung | Tiêu chí phân bổ | Định mức phân bổ |
|----|---------------------------------|-------------------------|------------------|
| 1 | Đài phát thanh truyền hình tỉnh | Triệu đồng/biên chế/năm | 13,5 |
| 2 | Đài phát thanh huyện | Triệu đồng/biên chế/năm | 12,6 |
| 3 | Đài truyền thanh xã | Triệu đồng/đài/năm | 4,0 |

c) Chi phí hoạt động, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên các Trạm tiếp phát sóng phát thanh, truyền hình; Đài truyền thanh xã được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách. Riêng chi phí tiền điện được tính trên cơ sở công suất tiêu thụ điện và thời gian phát sóng của từng trạm.

d) Chi thực hiện chế độ nhuận bút; chi sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình; thuê đường truyền tín hiệu vệ tinh; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị truyền hình; chi tiền điện phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ và các nhiệm vụ chi phát thanh truyền hình đặc thù khác của Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

7. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp xã hội

a) Định mức phân bổ chi cho con người: Bảo đảm đủ tiền lương, các khoản có tính chất lương và chế độ đối với các đối tượng chính sách xã hội theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương (đã bao gồm chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc), được phân bổ theo tiêu chí biên chế như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng/ biên chế/năm

| TT | Nội dung | Định mức phân bổ |
|----|----------------------|------------------|
| 1 | Các đơn vị cấp tỉnh | 13,5 |
| 2 | Các đơn vị cấp huyện | 12,6 |

c) Chi hỗ trợ hoạt động xã hội cấp xã được phân bổ theo tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã như sau: đối với cấp xã loại 1 là 5 triệu đồng/xã; cấp xã loại 2 là 4 triệu đồng/xã; cấp xã loại 3 là 3 triệu đồng/xã.

d) Chi hỗ trợ hoạt động xã hội cấp huyện, bao gồm cả hoạt động nghĩa trang được phân bổ theo tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của từng huyện như sau: huyện có trên 20 đơn vị hành chính cấp xã định mức phân bổ là 5 triệu đồng/xã/năm; huyện có từ 10 đến 20 đơn vị hành chính cấp xã, định mức phân bổ là 6 triệu đồng/xã/năm.

Đối với các huyện, thị xã, thành phố có gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp), được phân bổ với mức 160.000 đồng/gia đình thuộc diện chính sách để huyện có thêm kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết.

đ) Các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác như: chi thực hiện chế độ đối với cán bộ xã đã nghỉ việc; chi công tác chăm sóc, thăm hỏi người có công với cách mạng do ngân sách địa phương đảm bảo; các hoạt động phục vụ công tác bảo trợ, cứu trợ xã hội các cấp; chi hoạt động của đội công tác xã hội tình nguyện tại xã; chi thực hiện chính sách đối với cựu chiến binh; kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi; kinh phí hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh; điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, vận động tham gia hiến máu tình nguyện và chi công tác đảm bảo xã hội khác được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

8. Tiêu chí, định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế, sự nghiệp khoa học, sự nghiệp bảo vệ môi trường

a) Định mức phân bổ chi cho con người: Bảo đảm đủ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo quy định.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương (đã bao gồm chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc), được phân bổ theo tiêu chí biên chế như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

| TT | Nội dung | Định mức phân bổ |
|----|----------------------|------------------|
| 1 | Các đơn vị cấp tỉnh | 13,5 |
| 2 | Các đơn vị cấp huyện | 12,6 |

c) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giao thông:

- Chi duy tu, sửa chữa thường xuyên giao thông đường bộ như sau:

Đường do cấp tỉnh quản lý 23 triệu đồng/km;

Đường thành phố Yên Bái quản lý 20 triệu đồng/km; đường huyện và đường do thị xã Nghĩa Lộ quản lý 9 triệu đồng/km;

Đường xã, thị trấn quản lý (không có phường và thị trấn huyện lỵ) hỗ trợ như sau: cấp xã loại 1 là 5 triệu đồng/xã/năm; cấp xã loại 2 là 4 triệu đồng/xã/năm; cấp xã loại 3 là 3 triệu đồng/xã/năm.

- Chi sửa chữa định kỳ cầu đường bộ và chi đảm bảo giao thông của đường tỉnh, đường huyện và chi thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp giao thông khác được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

d) Đối với chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch; chi hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, xúc tiến du lịch, chi thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản; chi hoạt động khuyến công; khuyến lâm, khuyến nông; khuyến ngư; chi công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng chống cháy rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Chi hoạt động Ban Chỉ đạo phòng chống lụt bão các cấp, Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; chi duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi và các nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế khác được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách.

đ) Đối với chi sự nghiệp bảo vệ môi trường được tính toán, phân bổ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách. Riêng đối với địa bàn cấp xã, cấp huyện nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, được phân bổ kinh phí để hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ; mức kinh phí cụ thể phân bổ hỗ trợ cho từng xã, từng huyện được tính theo chế độ quy định trên cơ sở điều hòa chung nguồn thu phí giữa các huyện, thị xã, thành phố.

9. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể

Ngoài bảo đảm đủ tiền lương và các khoản có tính chất lương theo quy định, chi hoạt động thường xuyên ngoài tiền lương (chưa bao gồm: Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên máy móc, thiết bị làm việc; chi sửa chữa thường xuyên xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng), được phân bổ như sau:

a) Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước theo tiêu chí biên chế

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

| TT | Nội dung | Định mức phân bổ |
|----|--|------------------|
| 1 | Cấp tỉnh | |
| | - Các đơn vị dưới 11 biên chế | 19,8 |
| | - Các đơn vị từ 11 biên chế đến 20 biên chế | 19,0 |
| | - Các đơn vị từ 21 đến 30 biên chế | 18,3 |
| | - Các đơn vị từ 31 đến 45 biên chế | 16,8 |
| | - Các đơn vị từ 46 biên chế trở lên | 15,3 |
| 2 | Cấp huyện | |
| | - Huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải | 17,9 |
| | - Thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện khác | 15,7 |

b) Định mức phân bổ chi hoạt động của Đảng theo tiêu chí biên chế

- Cấp tỉnh: 28,9 triệu đồng/biên chế/năm. Riêng các tổ chức hội, đoàn thể trực thuộc Đảng ủy khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Yên Bái là 18,9 triệu đồng/biên chế/năm.

- Cấp huyện: Huyện Trạm Tấu, huyện Mù Cang Chải: 20,5 triệu đồng/biên chế/năm; thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện khác: 17,7 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Định mức phân bổ chi hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên) theo tiêu chí biên chế: Để đảm bảo cho hoạt động của các đoàn thể, định mức phân bổ đoàn thể ở cấp tỉnh và cấp huyện được xác định trên cơ sở định mức phân bổ chi quản lý nhà nước phân chia theo từng nhóm biên chế và tính tăng thêm tương ứng 5% theo mỗi nhóm.

d) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính cấp xã

- Đối với phường: Phường loại 1 là 250 triệu đồng/năm; phường loại 2 là 240 triệu đồng/năm; phường loại 3 là 230 triệu đồng/năm;

- Đối với thị trấn: Thị trấn loại 1 là 190 triệu đồng/năm; thị trấn loại 2 là 180 triệu đồng/năm; thị trấn loại 3 là 170 triệu đồng/năm;

- Đối với xã: Xã loại 1 là 160 triệu đồng/năm; xã loại 2 là 150 triệu đồng/năm; xã loại 3 là 140 triệu đồng/năm.

Định mức chi hoạt động trên đã bao gồm kinh phí hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ

nữ, Hội Nông dân, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi; Hội Khuyến học; kinh phí hỗ trợ Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã; Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư cấp xã; Ban công tác mặt trận ở khu dân cư; Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn. Trong đó: Bảo đảm bố trí cho 5 tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân cấp xã), tối thiểu không thấp hơn 7 triệu đồng/tổ chức/năm; mức kinh phí bố trí hỗ trợ cho Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Hội Khuyến học cấp xã tối thiểu không thấp hơn 2 triệu đồng/hội/năm; hỗ trợ Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã tối thiểu không thấp hơn 10 triệu đồng/ban/năm, Ban thanh tra nhân dân tối thiểu không thấp hơn 5 triệu đồng/ban/năm.

- Kinh phí chi hoạt động của các chi hội thuộc các tổ chức chính trị xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính được hỗ trợ 1,5 triệu đồng/chi hội/năm.

đ) Đối với các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì được hỗ trợ kinh phí hoạt động bằng định mức phân bổ chi quản lý nhà nước phân chia theo từng nhóm biên chế (không tính tăng thêm tương ứng 5% theo mỗi nhóm); đối với các tổ chức không được giao biên chế, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể theo chế độ quy định và khả năng ngân sách trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.

e) Các nhiệm vụ chi đặc thù

Đối với dự toán chi bảo đảm hoạt động của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh được tính trên cơ sở chế độ quy định và khả năng ngân sách;

Đối với chi đảm bảo hoạt động của Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp huyện được tính trên cơ sở chế độ quy định và khả năng ngân sách;

Đối với một số nhiệm vụ đặc thù như: Chi hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, kinh phí phục vụ các hoạt động đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", Ban vì sự tiến bộ phụ nữ, Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ các cấp, Ban chỉ đạo thi hành án dân sự, bồi dưỡng nghiệp vụ cho hoạt động của Hội thẩm nhân dân các cấp; chi xuất bản báo; chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; chi thực hiện cải cách hành chính; chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ làm công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo; chế độ thăm hỏi chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thực hiện; chi cho công tác xây dựng hoàn thiện, rà soát hệ thống hóa, kiểm tra xử lý văn bản quy phạm pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật; chế độ chi hoạt động

công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng; chi công tác thi đua khen thưởng; kinh phí bảo đảm việc phối hợp với các cấp Hội Nông dân trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân; kinh phí cấp phát trang phục thanh tra, kiểm lâm và các nhiệm vụ chi đặc thù khác của cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện được tính trên cơ sở chế độ quy định và khả năng ngân sách.

10. Tiêu chí, định mức phân bổ chi công tác quốc phòng địa phương

a) Chi công tác quốc phòng cấp huyện (không kể chi thực hiện Luật Dân quân tự vệ) được phân bổ theo tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của từng huyện như sau: huyện có trên 20 đơn vị hành chính cấp xã định mức phân bổ là 15 triệu đồng/xã/năm; huyện có từ 10 đến 20 đơn vị hành chính cấp xã, định mức phân bổ là 18 triệu đồng/xã/năm;

b) Chi công tác quốc phòng cấp xã (không kể chi thực hiện Luật Dân quân tự vệ) định mức phân bổ theo tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã như sau: cấp xã loại 1 là 17 triệu đồng/xã/năm; cấp xã loại 2 là 16 triệu đồng/xã/năm; cấp xã loại 3 là 15 triệu đồng/xã/năm;

c) Chi thực hiện Luật Dân quân tự vệ; chi thực hiện Luật Lực lượng dự bị động viên; chi công tác giáo dục quốc phòng và an ninh; hoạt động của Hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp; kinh phí hỗ trợ trọng điểm về quốc phòng, an ninh; chi tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các cấp; cấp phát trang phục dân quân tự vệ và các nhiệm vụ quốc phòng khác được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách;

d) Chi công tác quốc phòng cấp tỉnh được xác định trên cơ sở tổng mức chi quốc phòng địa phương được trung ương phân bổ theo tiêu chí dân số, sau khi trừ đi mức chi quốc phòng đã phân bổ cho cấp huyện, cấp xã và các nhiệm vụ quốc phòng khác quy định ở trên (từ điểm a đến điểm c). Trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về quốc phòng, mà nguồn kinh phí được trung ương phân bổ theo tiêu chí dân số không đáp ứng đủ, sẽ được bổ sung thêm từ ngân sách địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách.

11. Tiêu chí, định mức phân bổ chi công tác an ninh địa phương

a) Chi hoạt động an ninh cấp huyện được phân bổ theo tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của từng huyện như sau: Huyện có trên 20 đơn vị hành chính cấp xã định mức phân bổ là 6 triệu đồng/xã/năm; huyện có từ 10 đến 20 đơn vị hành chính cấp xã, định mức phân bổ là 7,2 triệu đồng/xã/năm;

b) Chi hoạt động an ninh cấp xã, định mức phân bổ theo tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã như sau: Cấp xã loại 1 là 12 triệu đồng/xã/năm; cấp xã loại 2 là 11 triệu đồng/xã/năm; cấp xã loại 3 là 10 triệu đồng/xã/năm.

c) Chi thực hiện Pháp lệnh Công an xã; chế độ đối với bảo vệ dân phố; chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa

cháy thành viên đội dân phòng theo Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; kinh phí hỗ trợ xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ an ninh khác được tính theo chế độ quy định và khả năng ngân sách;

d) Chi hoạt động an ninh cấp tỉnh được xác định trên cơ sở tổng mức chi an ninh địa phương được trung ương phân bổ theo tiêu chí dân số sau khi trừ đi mức chi an ninh đã phân bổ cho cấp huyện, cấp xã và chi thực hiện các nhiệm vụ an ninh khác quy định ở trên (từ điểm a đến điểm c). Trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, mà nguồn kinh phí được trung ương phân bổ theo tiêu chí dân số không đáp ứng đủ, sẽ được bổ sung thêm từ ngân sách địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách.

12. Tiêu chí, định mức phân bổ chi khác ngân sách (bao gồm cả chi công tác thi đua khen thưởng ở cấp huyện, cấp xã): Được phân bổ theo tỷ trọng tối đa bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên (từ khoản 1 đến khoản 11).

13. Tiêu chí, định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách

a) Đảm bảo dự phòng ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã được phân bổ bằng 2% tổng số chi ngân sách mỗi cấp (không kể chi từ các khoản thu đóng góp tự nguyện, chi viện trợ, chi phản ánh qua ngân sách).

b) Dự phòng ngân sách cấp tỉnh được xác định tối thiểu bằng số chênh lệch giữa tổng mức dự phòng được trung ương giao của ngân sách địa phương với mức dự phòng đã phân bổ cho ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã.

14. Tiêu chí, định mức phân bổ đối với các nhiệm vụ chi khác

a) Đối với kinh phí mua xe ô tô, kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc, kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các trường hợp mua sắm, sửa chữa cần thiết, đột xuất, cấp bách khác được bố trí, phân bổ cho các cơ quan, đơn vị theo chế độ quy định, yêu cầu nhiệm vụ hàng năm và khả năng ngân sách địa phương.

b) Đối với kinh phí thực hiện các đề án, chính sách có tính chất đặc thù do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành được bố trí, phân bổ cho các cơ quan, đơn vị theo chế độ quy định, yêu cầu nhiệm vụ hàng năm và khả năng ngân sách địa phương.


Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 5. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XIX - Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2021/.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long